TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/DS-PT

Ngày: 26 - 01 - 2024

V/v tranh chấp "*Ranh giới quyền sử dụng đất, tháo dỡ tài sản trên đất và đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Ông Huỳnh Việt Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp *"Ranh giới quyền sử dụng đất, tháo dỡ tài sản trên đất và đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 397/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1087/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Lê Thành Đ- Chi nhánh Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố C (Có mặt).

** Bị đơn*: Bà **Trần Thị Mộng H1**, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thị Thu H2, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Trần Thị Thu T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

3. Trần Thanh T1, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

4. Nguyễn Thị Thúy H3, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

5. Trần Ngọc Nhã T2, sinh ngày 30/4/2017

- *Đại diện theo pháp luật của cháu T2*: Trần Thanh T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thúy H3, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Lê Hữu N, sinh năm 1979 (Có mặt).

7. Đặng Thị Yến N1, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt).

8. Lê Đặng Yến N2, sinh năm 2003 (Xin vắng mặt).

9. Lê Hữu N3, sinh năm 2015

- *Đại diện theo pháp luật của cháu N3*: Lê Hữu N, sinh năm 1979 (Có mặt) và Đặng Thị Yến N1, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:***

Bà có diện tích đất 1.578,9 m^2, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 17, đất toạ lạc: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị H vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Giáp phần đất của bà H là phần đất của bà H1 có diện tích 2.731m^2, thửa số 634, tờ bản đồ TTC3, đây là một thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 1234/QĐUB ngày 16 tháng 8 năm 2000 do UBND huyện C cấp cho hộ bà Trần Thị Mộng H1.

Trong hộ của bà chỉ có 01 mình bà, ngoài ra trong hộ không còn thành viên nào khác. Quyền sử dụng đất của bà là cấp cho cá nhân bà Trần Thị H. Hiện nay bà đang sống chung với Lê Hữu N, Đặng Thị Yến N1, Lê Đặng Yến N2, Lê Hữu N3. Còn Lê Hữu Q, Nguyễn Thị D, Lê Nguyễn Thái A thì lúc trước chung hộ với bà nhưng đã chuyển đi đến ở nơi khác nhiều năm nay, không còn chung hộ với bà.

Ranh đất giữa bà và bà H1 là hàng rào lưới B40, trụ bê tông đúc sẵn, hàng rào này đã được cắm ranh từ năm 2000, khi cắm ranh vào năm 2000 thì bà không có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp gì. Đến năm 2016 thì ở phía Nam (đoạn 9 – 14 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) bà H1 có xây bức tường chiều ngang 01 tấc, chiều dài 11,7m x

chiều cao 2,5m = 29,25m^2, ở đoạn này bà H1 lấn của bà 23,5m^2, khi xây hàng rào tường bà có ra ngăn cản nhưng không có báo chính quyền địa phương nên không có ai lập biên bản về việc bà không đồng ý ranh đất này. Còn ở phía Bắc (đoạn 4 - 8 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) thì vẫn là hàng rào lưới B40, trụ bê tông đúc sẵn, ở đoạn này bà H1 lấn của bà là 11,3m^2.

Theo như đơn khởi kiện trước đây bà có yêu cầu bà H1 trả lại diện tích lấn chiếm chiều rộng 0,8m chiều dài 80m = 64m^2. Bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là 29,2m^2. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H1 tháo dỡ các trụ bê tông và trả lại diện tích đất mà bà H1 lấn chiếm là 23,5m^2 + 11,3m^2 = 34,8m^2, đất tọa lạc tại: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang, tháo dỡ bức tường rào với diện tích 29,25m^2 và tháo dỡ hàng rào trụ bê tông đúc sẵn, lưới B40 để trả lại diện tích mà bà H1 lấn chiếm. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Bị đơn bà Trần Thị Mộng H1 trình bày:***

Bà có diện tích 2.731m^2, thửa số 634, tờ bản đồ TTC3 (bản đồ chính quy thửa 126, tờ bản đồ 17), đây là một thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 1234/QĐUB ngày 16 tháng 8 năm 2000 do UBND huyện C cấp cho hộ bà Trần Thị Mộng H1. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì bà có nhiều thửa đất, tuy nhiên thửa đất giáp với thửa của bà H là thửa số 634. Thửa 634 (bản đồ chính quy thửa 126, tờ bản đồ 17) đang tranh chấp ranh với thửa đất số 127 của bà H. Trong hộ của bà gồm có: bà, Thu H2, Thu T, T, Thúy H3, ngoài ra trong hộ không còn thành viên nào khác. Bà được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 2000, khi đó bà làm hàng rào lưới B40, trụ bê tông nhưng do chăn nuôi heo nên có mùi hôi nên vào năm 2016 bà đã xây bức tường chiều ngang 01 tấc, chiều dài 11,7m x chiều cao 2,5m = 29,25m^2 (đoạn 9 – 14 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) khi xây hàng rào tường bà H không có ý kiến và cũng không có ai lập biên bản về việc bà lấn đất. Còn ở phía Bắc (đoạn 4 -8 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) thì vẫn là hàng rào lưới B40, trụ bê tông đúc sẵn, hàng rào này đã được cắm ranh từ năm 2000 bà H không có ý kiến.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà trả lại diện tích đất lấn chiếm là 23,5m^2 + 11,3m^2 = 34,8m^2 đất tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang, tháo dỡ bức tường rào với diện tích 29,25m^2 và tháo dỡ hàng rào trụ bê tông đúc sẵn, lưới B40 thì bà không đồng ý vì bà đã sử dụng đúng ranh đất của bà.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hữu N, chị Đặng Thị Yến N1, chị Lê Đặng Yến N2, cháu Lê Hữu N3 (đại diện theo pháp luật là anh N, chị N1) trình bày:***

Hiện mẹ và bà của chúng tôi là bà H có đơn khởi kiện tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với bà H1, đối với phần đất tranh chấp là của mẹ và bà chúng tôi nên đối với yêu cầu khởi kiện của mẹ và bà chúng tôi không liên quan, ảnh hưởng đến quyền lợi chúng tôi nên chúng tôi không có ý kiến và yêu cầu gì đối

với việc tranh chấp nêu trên đồng thời chúng tôi yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết vắng mặt chúng tôi trong suốt thời gian tham gia tố tụng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu T, anh Trần Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thúy H3, chị Trần Thị Thu H2 trình bày:***

Chúng tôi là con gái, con trai, con dâu của bà Trần Thị Mộng H1, bà H1 có đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ số 1234/QĐUB do UBND huyện C cấp ngày 16 tháng 8 năm 2000 với diện tích 2.731m^2, nguồn gốc đất là do cha mẹ tôi mua của ông Nguyễn Văn H4 ngụ cùng ấp vào năm 1992. Đến năm 1997 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận do cha chúng tôi là Trần Thanh S - sinh năm 1960 đứng tên giấy chứng nhận. Đến năm 1999 cha chúng tôi bị bệnh và mất, mẹ chúng tôi là Trần Thị Mộng H1 đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ từ năm 2000 đến nay. Vào năm 2000 mẹ chúng tôi đã kéo hàng rào bằng lưới B40 trên diện tích đất của mẹ chúng tôi mua và có nhờ người hàng xóm thi công kéo hàng rào chừa lại lối đi khoảng 0,5m, chiều dài 92m. Sau khi kéo hàng rào đến nay diện tích đất của gia đình đã ổn định. Nay bà H cho rằng mẹ chúng tôi lấn chiếm đất của bà là vô lý. Vì khi làm hàng rào đã căn cứ vào bờ ranh cũ lúc cha mẹ chúng tôi mua đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 397/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà H1 trả lại phần đất diện tích 29,2m^2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc đòi bà H1 trả diện tích đất 34,8m^2, gồm 02 đoạn:

- Đoạn phía Nam (giáp Đường T - T. Nhựa) chiều ngang 0,60m với diện tích 23,5m^2;

- Đoạn phía Bắc chiều ngang 0,20m với diện tích 11,3m^2;

(Kèm theo 02 Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C cùng ngày 15/05/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 127 – 2020 ngày 07/9/2020).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu bà H1 tháo dỡ bức tường chiều ngang 01 tấc, chiều cao 2,5m x chiều dài 11,7m = 29,25m^2 và tháo dỡ hàng rào lưới B40 gắn liền 26 trụ bê tông đúc sẵn.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bà H.

H5 lại cho bà H số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003433 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị H phải chịu 7.846.835 đồng chi phí tố tụng. Bà H đã tạm ứng trước nên xem như bà H đã thực hiện xong.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 18 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn kháng cáo: yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Buộc bà H1 tháo dỡ, di dời vật kiến trúc xây dựng trên đất, trả lại cho bà phần diện tích đất lấn chiếm là 34,8m^2 thuộc thửa số 127, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.578,9m^2, đất tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư Lê Thành Đ- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 34,8m^2 thuộc thửa số 127, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.578,9m^2, đất tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn bà Trần Thị Mộng H1 trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân huyện C.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Hữu N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp "*Đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm, yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất bị lấn chiếm*" thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại các khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu H2, Trần Thị Thu T, Trần Thanh T1, Nguyễn Thị Thúy H3, Trần Ngọc Nhã T2 đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và Đặng Thị Yến N1, Lê Đặng Yến N2 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thu H2, chị T, anh T1, chị Thúy H3, cháu T2, chị N1, chị N2.

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp:

Năm 1997 bà Trần Thị H1 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00095 do bà Trần Thị H đứng tên đối với phần đất thửa số 635, tờ bản đồ TTC, thửa số 635, diện tích 1.743m^2 địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang (bút lục 03 – 04). Đến năm 2010, bà được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử đất với số thửa mới là 127, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.578,9m^2 địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị H vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 (bút lục số 01 - 02).

Phần đất của bà Trần Thị Mộng H1: Năm 1997 ông Trần Thanh S1 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 2.731m^2, đất Q, thửa 634, tờ bản đồ TTC theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00193/Q1QSDĐ/1397/QĐUB ngày 30/7/1997 do ông Trần Thanh S1 đứng tên. Đến năm 1999 thì ông Trần Thanh S1 mất nên năm 2000 bà Trần Thị Mộng H1 đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 2.731m^2, đất vườn, thửa 634, tờ bản đồ TTC3 (bản đồ chính quy thửa 126, tờ bản đồ số 17) theo giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp GCN: 02270/Q2 QSDĐ/số 1234/QĐUB ngày 16/8/2000 do bà Trần Thị Mộng H1 đại diện hộ đứng tên. (các bút lục 36,37, 38, 39, 73,74,75).

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Buộc bà H1 tháo dỡ, di dời vật kiến trúc xây dựng trên đất, trả lại cho bà phần diện tích đất lấn chiếm là 34,8m^2 thuộc thửa số 127, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.578,9m^2, đất tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 24 tháng 3 năm 2021 (bút lục số 103 – 104); phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 15 tháng 5 năm 2020 thửa 126, tờ bản đồ số 17 (bút lục số 99); Phiếu xác nhận kết quả hiện trạng đo đạt thửa đất ngày 15 tháng 5 năm 2020, thửa số 127, tờ bản đồ 17 (bút lục số 96) xác định được: phần diện tích đất tranh chấp được chia là 02 đoạn, đoạn 01 giáp ranh đường T - T có diện tích là 23,5m^2, đoạn 02 ở phía Bắc có diện tích là 11,3m^2; phần diện tích đất của nguyên đơn bà Trần Thị H ở thửa số 127, tờ bản đồ 17, có diện tích theo đo đạc thực tế 1.572,5m^2, giảm so với diện tích được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất là 6,4m^2; phần đất của bị đơn bà Trần Thị Mộng H1 ở thửa số 126, tờ bản đồ số 17, có diện tích theo đo đạc thực tế là 2.554,9m^2, giảm so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 176,1m^2.

Tại công văn trả số 1207/UBND-NC ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C thì diện tích đất của bà H giảm là do bà H xác định lại ranh với chủ đất liền kề là ông Trần Văn M còn diện tích đất của bà H1 giảm là do khi cấp giấy cho bà H1 năm 2000 diện tích được tính bằng thủ công không chính xác (Bút lục 133).

Vào năm 2000 sau khi được cấp giấy đất thì bà H1 kéo hàng rào lưới B40 gắn liền trụ bê tông đúc sẵn, sau đó năm 2016 phần đất đoạn phía Nam của thửa đất 634 (bản đồ chính quy thửa 126), đất tiếp giáp đường nhựa T - T thì bà H1 xây bức tường chiều ngang 01 tấc, chiều cao 2,5m x chiều dài 11,7m = 29,25m^2 ngay vị trí xây hàng rào trước đó thì bà H đều biết nhưng không có ý kiến và khiếu nại gì. Từ năm 2000 cho đến nay bà H1 đã quản lý và sử dụng phần đất tranh chấp diện tích 34,8m^2 một cách công khai, liên tục theo quy định tại Điều 182, Điều 183 Bộ luật dân sự năm 2015 nhưng bà H không phản đối, không ý kiến. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định hàng rào do bà H1 xây dựng thuộc quyền sử dụng đất của bà H1 là có căn cứ.

Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị H không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Trần Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 397/2023/DSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng các Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà H1 trả lại phần đất diện tích 29,2m^2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc đòi bà H1 trả diện tích đất 34,8m^2, gồm 02 đoạn:

- Đoạn phía Nam (giáp Đường T - T. Nhựa) chiều ngang 0,60m với diện tích 23,5m^2;

- Đoạn phía Bắc chiều ngang 0,20m với diện tích 11,3m^2;

(Kèm theo 02 Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C cùng ngày 15/05/2020 và Mảnh trích đo địa chính số 127 – 2020 ngày 07/9/2020).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu bà H1 tháo dỡ bức tường chiều ngang 01 tấc, chiều cao 2,5m x chiều dài 11,7m = 29,25m^2 và tháo dỡ hàng rào lưới B40 gắn liền 26 trụ bê tông đúc sẵn.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bà H.

H5 lại cho bà H số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003433 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị H phải chịu 7.846.835 đồng chi phí tố tụng. Bà H đã tạm ứng trước nên xem như bà H đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2024 (H)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải